

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 24-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 22/01/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 10/02/2025 đối với bị cáo:

Phùng Đình B, sinh ngày 03/8/1990; Nơi sinh: Huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nơi thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đình B1 (đã chết) và bà Bé Thị H, sinh năm 1959; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư; vợ: Nịnh Thị Q (đã ly hôn); con: Chưa có;

Tiền án: Bản án số 24/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ngày 19/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 53/2012/HSST ngày 22/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản, Tại Bản án số 05/2013/HSPT ngày 28/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

- **Bị hại:** Bà Ma Thị K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/11/2024 và 12/11/2024 Phùng Đình B1, sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã X, huyện C có hành vi trộm cắp tài sản của bà Ma Thị K, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/11/2024, Phùng Đình B1, điều khiển xe mô tô biển số 22F1-207.83 (xe của ông Phùng Đình B bố của B1) từ thị trấn V, huyện C đi về nhà, khi đến tổ dân phố V, thị trấn V, B1 quan sát thấy nhà bà Ma Thị K, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó B1 điều khiển xe mô tô để tại bãi đất trống giáp bờ suối gần UBND thị trấn V đối diện nhà bà K và cởi quần áo bơi qua suối vào nhà lấy trộm 1.000.000 đồng (gồm hai tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng) ở trong ví màu xanh, để trong túi sách màu ghi đặt trên tấm đệm dưới nền nhà, giáp tường bên phải từ cửa chính vào. Sau đó B1 đi về nhà. Số tiền có được do trộm cắp tài sản trên Biển đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 12/11/2024, Phùng Đình B1, điều khiển xe mô tô biển số 22F1-207.83 nêu trên từ thị trấn V, huyện C đi về nhà, khi đến khu vực nhà bà Ma Thị K, B1 tiếp tục nảy sinh ý định vào nhà bà K trộm cắp tài sản. Sau đó B1 điều khiển xe mô tô để tại bãi đất trống giáp bờ suối gần UBND thị trấn V đối diện nhà bà K và cởi quần áo bơi qua suối vào nhà lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO vỏ màu xanh để dưới áo chống nắng trên tấm đệm dưới nền nhà, giáp tường bên phải từ cửa chính và vào phòng ngủ lấy trộm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng trong túi sách màu ghi để trên một va li đặt trên ghế nhựa màu xanh, cạnh tủ quần áo và 2.000.000 đồng trong hai phong bì màu trắng (trong mỗi phong bì có 02 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng) đặt trên va li. Sau đó B1 đi về nhà. Số tiền có được do trộm cắp tài sản trên Biển đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị mất trộm tài sản đến ngày 16/11/2024, bà Ma Thị K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C trình báo. Quá trình kiểm tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời Phùng Đình B1 lên làm việc, tại đây B1 đã tự giác khai nhận là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên và tự giao nộp vật chứng có liên quan.

Kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS, ngày 16/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại Reno2 F, dung lượng 128GB, màu xanh ngọc có trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 14/CT-VKSCH ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo: Phùng Đình B1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo: Phùng Đình B1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Đình B1 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/11/2024.

Do bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ma Thị K đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm cắp và bị cáo đã bồi thường số tiền 3.500.000đ, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 22F1-207.83 Phùng Đình B1 sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định là xe mô tô của ông Phùng Đình B, do ông B đã chết trước đó nên bà Bé Thị H (mẹ của bị cáo B1) đang quản lý, bà H không biết B1 sử dụng xe mô tô đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, bị hại theo quy định tại các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát; Bị hại vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 09/11/2024 và 12/11/2024 Phùng Đình B1, trú tại thôn L, xã X, huyện C có hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị 5.550.000 đồng của bà Ma Thị K, trú tại tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/11/2024, Phùng Đình B1 vào nhà bà Ma Thị K, trộm cắp số tiền 1.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 12/11/2024, Phùng Đình B1 vào nhà bà Ma Thị K trộm cắp 01 điện thoại di động có trị giá 2.500.000 đồng và số tiền 2.050.000 đồng.

Như vậy, đủ cơ sở xác định bị cáo Phùng Đình B1 đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án (Bản án số 24/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản), ngày 19/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, vì vậy áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi lượng hình.

Về nhân thân: Bị cáo đã bị xét xử tại Bản án số 05/2013/HSPT ngày 28/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản (ngày 21/10/2013 chấp hành xong tiền án phí; ngày 24/01/2015 chấp hành xong hình phạt tù).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; Hội đồng xét xử xét thấy nội dung buộc tội, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ. Bị cáo đã bị xét xử 02 lần với lỗi cố ý nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tích cực, quyết liệt, thể hiện tính coi thường pháp luật, do đó cần phải áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phùng Đình B1 phạm tội có tính chất vụ lợi, bị cáo không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 173, Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo ở mức khởi điểm là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Ma Thị K không yêu cầu bồi thường thêm do đã nhận lại tài sản và bị cáo đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vấn đề khác: Đối với xe mô tô biển số 22F1-207.83 Phùng Đình B1 sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định là xe mô tô của ông Phùng Đình B, do ông B đã chết trước đó nên bà Bé Thị H (mẹ B1) đang quản lý, khi B1 sử dụng xe mô tô đi trộm cắp tài sản bà H không biết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại Reno2 F, ngày 17/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Phùng Đình B1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 35, 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phùng Đình B1 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/11/2024.

Phạt tiền bị cáo số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Đình B1 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Tâm Triệu Thị Yên Đào Thị Bích Ngọc

.